



Phụ lục

Quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Quận 7 năm học 2023-2024

(Đính kèm Tờ trình số 180/TTr-MNPM ngày 03/10/2023 của Trường Mầm non Phú Mỹ)

Stt	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu năm học 2023-2024 theo NQ04/2023/NQ-HĐND	Mức thu năm học 2023-2024 theo 5427/UBND-GDDT	Mức thu năm học 2022-2023	Mức thu năm học 2023-2024 của trường MN Phú Mỹ	So sánh	Ghi chú
I	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa							
4	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	đồng/hs/tháng						
4.1	Tiền tổ chức các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ (Vẽ, Nhịp điệu...)	đồng/hs/tháng/môn	80.000	80.000		80.000	Không tăng	2 tiết/tuần
4.5	Tiền tổ chức học Ngoại ngữ với người nước ngoài							
	- 2 tiết/tuần (30 phút/tiết), 1 tháng có 4 tiết học với giáo viên nước ngoài, học với phương tiện: phần mềm và bảng tương tác	đồng/hs/tháng	363.000	368.000	320.000	363.000	Tăng 13,43%	2 tiết - 4 tiết/tuần
7	Tiền tổ chức nuôi dạy trẻ mầm non trong hè	đồng/hs/tuần	161.000	161.000	140.000	161.000	Tăng 15%	Theo Công văn hướng dẫn số 4687/SGDDĐT-KHTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 hướng dẫn thời lượng tổ chức thực hiện các hoạt động theo quy định
II	Các khoản thu phục vụ cho hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án							
III	Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú							
12	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú		550.000					
	+ Nhà trẻ: 6 tháng - 18 tháng	đồng/hs/tháng		345.000	300.000	345.000	Tăng 15%	
	+ Nhà trẻ: 19 tháng - 36 tháng	đồng/hs/tháng		310.500	270.000	310.500	Tăng 15%	
	+ Mẫu giáo	đồng/hs/tháng		253.000	220.000	253.000	Tăng 15%	
13	Tiền phục vụ ăn sáng	đồng/hs/ngày	220.000	5.000	5.000	5.000	Không tăng	
14	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/hs/tháng	450.000	172.500	150.000	172.500	Tăng 15%	

Stt	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu năm học 2023-2024 theo NQ04/2023/NQ-HĐND	Mức thu năm học 2023-2024 theo 5427/UBND-GĐĐT	Mức thu năm học 2022-2023	Mức thu năm học 2023-2024 của trường MN Phú Mỹ	So sánh	Ghi chú
16	Tiền công chi trả cho nhân viên nuôi dưỡng hợp đồng theo NQ 04/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 và NQ 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/03/2021							
16.1	Nhà trẻ	đồng/hs/tháng	260.000	260.000		150.000	Mức thu NQ04	
16.2	Mẫu giáo	đồng/hs/tháng	160.000	160.000		110.000	Mức thu NQ04	
IV Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh								
17	Tiền mua sắm đồ dùng phục học sinh	đồng/hs/bộ	200.000	200.000		130.000		
18	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu							
18.1	Học phẩm	đồng/hs/bộ	50.000	50.000		50.000	Mức thu NQ04	
18.2	Học cụ - Học liệu		550.000					
	Nhà trẻ	đồng/hs/năm		57.500	50.000	57.000	Tăng 15%	
	Mẫu giáo 3, 4 tuổi	đồng/hs/năm		115.000	100.000	115.000	Tăng 15%	
	Mẫu giáo 5 tuổi	đồng/hs/năm		172.500	150.000	172.000	Tăng 15%	
19	Tiền suất ăn trưa bán trú	đồng/hs/ngày	35.000	35.000	25.000 -35.000	35.000	Không tăng	
20	Tiền suất ăn sáng	đồng/hs/ngày	20.000	15.000	15.000	15.000	Không tăng	
21	Tiền nước uống	đồng/hs/ngày	20.000	17.000		17.000	Mức thu NQ04	
22	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng/hs/năm	70.000	70.000		70.000		
23	Tiền điện sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh)	đồng/hs/tháng	50.000	28.000	25.000	28.000	Tăng 12%	
24	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: gồm sổ liên lạc điện tử, phần mềm quản lý thẻ, phần mềm học trực tuyến...	đồng/hs/tháng	110.000					
	- Giải pháp quản lý trường học thông minh, an toàn, không sử dụng tiền mặt (Phần mềm quản lý thẻ, sổ liên lạc điện tử...)	đồng/hs/tháng		11.500 - 34.500	10.000 - 30.000	10.000		